TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2025/DS-ST
Ngày: 22 – 4 – 2025.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Y Ník Êban.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2024/TLST - DS ngày 16 tháng 10 năm 2024. Về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST–DS, ngày 28/03/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Ngọc P, sinh năm 1965 và bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T. Nơi cư trú: Thôn H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà nguyên đơn ông*** Đặng Ngọc P***, bà*** Trần Thị Thanh V ***trình bày:***

Do chỗ quen biết nhau nên gia đình ông Trần Văn M, bà Phạm Thị T có mua cám heo chăn nuôi của ông P, bà V rất nhiều lần, tính đến ngày 01/12/2020 ông M bà T đã đối chiếu công nợ, theo đó ông M, bà T còn nợ tiền cám của ông P bà V tổng cộng số tiền 74.000.000đ và bà Phạm Thị T đã ký xác nhận vào sổ ghi nợ của ông P, bà V, trong giấy xác nhận nợ không thể hiện lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng mức lãi suất là 01%/ tháng. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu công nợ đến nay ông M, bà T đã trả cho ông P, bà V tổng cộng số tiền 61.000.000đ nợ gốc và còn nợ lại 13.000.000đ tiền nợ gốc nhưng ông M, bà T chưa trả cho nguyên đơn được khoản tiền lãi suất nào.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện với nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T trả cho ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V số tiền nợ gốc là 13.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là 10%/năm kể từ ngày khởi kiện ngày 10/8/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

*** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà** Phạm Thị T **trình bày:** Do quen biết nhau nên vợ chồng ông M, bà T có mua cám heo đầu tư của ông P, bà V hơn 10 năm nay, đến ngày 01/12/2020 sau khi đối chiếu sổ sách vợ chồng bà T còn nợ của ông P bà V tổng số tiền 74.000.000đ (bảy mươi bốn triệu đồng) và bà T đã ký xác nhận chữ ký Phạm Thị T vào sổ ghi nợ của ông P bà V. Sau khi đối chiếu công nợ tính đến tháng 9/2024 vợ chồng bà T đã trả cho ông P, bà V tổng số tiền 61.000.000đ. Cụ thể: ngày 06/9/2022 trả 18.000.000đ, ngày 15/11/2022 trả

15.000.000đ, ngày 11/4/2023 trả 10.000.000đ, ngày 26/9/2024 trả 18.000.000đ và hiện nay vợ chồng bà T còn nợ ông P, bà V số tiền 13.000.000đ nên bà T có nguyện vọng đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 13.000.000đ mua cám heo còn nợ và không đồng ý trả tiền lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn, vì khi mua bán cám heo không có ký hợp đồng mua bán, trong sổ đối chiếu công nợ không có thể hiện lãi suất.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T, tại phiên hòa giải thì ông M vắng mặt, bà T có mặt, nhưng sau khi trình bày xong và nghe đọc biên bản bà T không ý kiến gì nhưng không ký biên bản và tự ý rời bỏ khỏi trụ sở Tòa án. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận:

- Tại phiên tòa nguyên đơn ông P, bà V trình bày ý kiến tranh luận: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V số tiền mua cám còn nợ 13.000.000đ và mức lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật là 10%/năm tính từ ngày khởi kiện (ngày 10//8/2024) cho đến nay.

- Bị đơn ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông Trần Văn M, bà Phạm Thị T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định

về quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (BLDS); Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị HĐXX tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V. Buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho ông P, bà V số tiền còn nợ là 13.000.000đ tiền gốc và khoản lãi suất phát sinh là 10%/năm tính từ ngày khởi kiện (ngày 10/8/2024) cho đến ngày xét xử sơ thẩm; Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V, ghi ngày 10 tháng 8 năm 2024 và chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là chứng từ mua bán cám (Bút lục số 04 và bút lục số 34), Toà án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T, cư trú tại thôn H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông M, bà T đều vắng mặt tại

phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V số tiền mua bán còn nợ 13.000.000đ (mười ba triệu đồng), HĐXX nhận định: Vào ngày 01/12/2020 sau khi đối chiếu công nợ, theo đó ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T còn nợ ông P, bà V tổng số tiền 74.000.000đ và bà Phạm Thị T ký xác nhận nợ vào sổ của ông P, bà V (bút lục số 34). Sự việc trên đã được nguyên đơn ông P, bà V và bị đơn bà Phạm Thị T thừa nhận, căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS, Tòa án công nhận đó là sự thật.

Việc các bên xác lập các hợp đồng mua bán cám heo với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật, tuy nhiên sau khi đối chiếu công nợ vào ngày 01/12/2020, tính đến nay bà T, ông M đã trả cho ông P, bà V tổng số tiền 61.000.000đ; các lần trả tiền cụ thể như sau: Ngày 06/9/2022 trả 18.000.000đ; ngày 15/11/2022 trả 15.000.000đ; ngày 11/4/2023 trả 10.000.000đ; ngày 26/9/2024 trả số tiền 18.000.000đ và còn nợ lại số tiền 13.000.000đ ông M, bà T không trả cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V là có căn cứ. Vì vậy, HĐXX, căn cứ Điều 430 và Điều 440 BLDS, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V. Buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) tiền mua bán còn nợ gốc là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[3.2] Về yêu cầu trả tiền lãi suất của nguyên đơn, xét thấy: Nguyên đơn cho rằng mặc dù trong giấy xác nhận không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng mức lãi suất là 01%/tháng, còn phía bị đơn bà T xác định không có hợp

đồng mua bán nên không có thỏa thuận về lãi suất và đồng thời trong giấy xác nhận nợ không xác định thời hạn trả tiền, nên trong trường hợp này xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ và bị đơn phải trả lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất là 10%/năm đối với số tiền nợ gốc là 13.000.000đ kể từ ngày khởi kiện ngày 10/8/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS; Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào Điều luật viện dẫn nêu trên và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, HĐXX áp dụng mức lãi suất cụ thể như sau: Thời gian chậm trả kể từ ngày nguyên đơn khởi kiện (ngày 10/8/2024) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/4/2025) là 255 ngày, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm, nên tiền lãi là: (13.000.000đ x 10%/năm x 255 ngày/365 ngày = 908.219đ.)

Như vậy, bị đơn ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T phải trả cho ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng và lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 908.219đ, tổng cộng số tiền phải trả là 13.908.219đ (mười ba triệu chín trăm linh chín nghìn hai trăm mười chín đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T phải chịu 695.410đ (sáu trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm mười đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (theo mức: 13.908.219đ x 5%).

Về tiền tạm ứng án phí: Tuyên trả lại cho ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V số tiền 1.115.396 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000735, ngày 16/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 203, khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V.

1. Buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T phải trả cho ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V số tiền còn nợ là 13.000.000 đồng và lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 908.219 đồng, tổng cộng số tiền phải trả là 13.908.219đ (mười ba triệu chín trăm linh chín nghìn hai trăm mười chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/4/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị T phải chịu 695.410đ (sáu trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm mười đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch).

- Ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V được nhận lại số tiền 1.115.396đ (một triệu một trăm mười lăm nghìn ba trăm chín mươi sau đồng) tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0000735, ngày 16/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Đặng Ngọc P và bà Trần Thị Thanh V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn ông Trần Văn M và bà Phạm Thị Thưa vắng M1 tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Võ Thị Mai